

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Theo webform
E-ĐKC 1.7	Theo webform
E-ĐKC 1.10	Theo webform
E-ĐKC 1.16	Theo webform
E-ĐKC 1.17	Theo webform
E-ĐKC 1.18	Theo webform
E-ĐKC 1.19	Theo webform
E-ĐKC 1.29	Theo webform
E-ĐKC 2.1	Theo webform
E-ĐKC 2.3 (i)	Theo webform
E-ĐKC 5.2	Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm: 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong
E-ĐKC 5.4	Theo webform
E-ĐKC 8.2 (d)	Theo webform
E-ĐKC 8.8 (a)	Theo webform
E-ĐKC 8.11	Theo webform
E-ĐKC 9.3	Theo webform
E-ĐKC 11.1	Theo webform
E-ĐKC 11.2	Theo webform
E-ĐKC 11.4	Theo webform
E-ĐKC 19.1	Theo webform
E-ĐKC 20.1 (a)	Theo webform
E-ĐKC 21	Theo webform
E-ĐKC 24	Theo webform
E-ĐKC 27.2	Theo webform

B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	Theo webform
E-ĐKC 29.1	Theo webform
E-ĐKC 29.4	Theo webform
E-ĐKC 30.7	Theo webform
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Phải được nghiệm thu, thử nghiệm theo tiêu chuẩn kỹ thuật đính kèm E-HSMT, E-HSDT đã được chủ đầu tư chấp thuận và các tiêu chuẩn vật tư thiết bị của Tổng công ty Điện lực miền Nam (nếu có), tất cả vật tư thiết bị phải cung cấp kết quả thử nghiệm, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thử nghiệm xuất xưởng theo quy định. - Vật tư xây dựng của nhà thầu sử dụng cho công trình (thép chế tạo kết cấu thép, cát, đá, xi măng ...) phải được cung cấp đầy đủ các hồ sơ: Nguồn gốc nguyên vật liệu, cam kết cung cấp vật tư kèm chứng chỉ kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm tra và sử dụng phải thực hiện đầy đủ các công tác thí nghiệm, kiểm tra vật liệu trước và trong khi thi công xây dựng theo quy định hiện hành và quy định của hợp đồng. Đơn vị giám sát có trách nhiệm kiểm tra và chấp thuận, lập thành biên bản, báo cáo đơn vị Quản lý dự án. Lưu ý: Tất cả các vật tư thiết bị phải có hồ sơ chứng minh phục vụ thi công gói thầu. - Nhà thầu trình Chủ đầu tư các hồ sơ: Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình và Biện pháp thi công. - Nhà thầu lập trình Chủ đầu tư Tiến độ thi công xây dựng công trình. - Nhà thầu lập trình Chủ đầu tư kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật. - Nhà thầu lập trình chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc hạng mục công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng. - Lập và thông báo cho Chủ đầu tư hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu. Hệ thống quản lý thi công xây dựng phải phù hợp với quy mô, tính chất của dự án (công trình), trong

	đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân đối với công tác quản lý thi công xây dựng, bao gồm: Chỉ huy trưởng công trường; các cá nhân phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp và các cá nhân thực hiện công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công xây dựng, quản lý khối lượng, tiến độ thi công xây dựng, quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình (theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ). - Nhà thầu lập trình Chủ đầu tư Kế hoạch tổng hợp về an toàn theo các nội dung quy định tại Phụ lục III Nghị định này Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao đã được xác định trong kế hoạch tổng hợp về an toàn. - Các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của chủ đầu tư. * Ghi chú: - Đơn vị giám sát thi công có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ nhà thầu thi công trình, yêu cầu nhà thầu chỉnh sửa các nội dung trong quá trình thi công cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng, ký tên vào hồ sơ, và trình đơn vị quản lý dự án trình phê duyệt theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ. - Nhà thầu thi công phải lập báo cáo chất lượng công trình và đơn vị giám sát thi công phải lập báo cáo công tác giám sát thi công trước khi chủ đầu tư nghiệm thu công trình theo quy định. - Nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công chủ yếu: + Chậm nhất 02 ngày trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu lập cam kết huy động, bố trí đầy đủ nhân sự, máy móc thiết bị thi công công trình theo đúng quy định của Hợp đồng và phù hợp với các nội dung trong hồ sơ dự thầu trình Chủ đầu tư. Chỉ huy trưởng, giám sát B phải có mặt tại công trình, có trách nhiệm tổ chức quản lý công việc, thực hiện điều hành hoạt động thi công trên công trình để bảo đảm tiến độ và chất lượng công trình theo hợp đồng. + Nhà thầu thi công phải huy động, bố trí đầy đủ nhân lực, máy móc thiết bị thi công đưa vào công trường theo đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với các nội dung hồ sơ dự thầu. Các thiết bị thi công đưa vào công trường phải có thông số kỹ thuật, công suất theo đúng quy định đã cam kết và phải có giấy kiểm định an toàn còn hiện lực. Đơn vị giám sát thi công có trách nhiệm kiểm tra các nội dung này ngoài công trường, lập thành biên bản, báo cáo đơn vị quản lý dự án để theo dõi, quản lý. Trường hợp kiểm tra phát hiện năng
--	---

	lực thực tế của nhà thầu không đáp ứng, phải có văn bản báo cáo ngay cho đơn vị Quản lý dự án và chủ đầu tư xử lý theo đúng quy định pháp luật. - Công tác giám sát và nghiệm thu công trình: + Đơn vị thi công thực hiện công tác nghiệm thu nội bộ, phối hợp với Tư vấn giám sát nghiệm thu công tác chuyển bước thi công và thực hiện nhật ký công trình theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các Văn bản liên quan, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng năm 2014, Thông tư hướng dẫn hiện hành, Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng Quyết định số 631/QĐ-EVN ngày 20/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên phần mềm Quản lý Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam. + Đơn vị giám sát thi công và giám sát của Chủ đầu tư sẽ phối hợp chụp ảnh, quay phim truyền dữ liệu công tác giám sát về Chủ đầu tư để kiểm tra, Đơn vị QLDA lưu hồ sơ các công đoạn chủ yếu trong thi công bao gồm các công trình ngầm, nổi cáp, lắp trụ, đổ bê tông..... Đối với các hạng mục công việc bị che khuất, đơn vị giám sát thi công phải chụp ảnh đầy đủ khi nghiệm thu theo quy định của Tập đoàn và Tổng công ty. Ảnh chụp phải thể hiện được không gian, thời gian, địa điểm và các thông số nghiệm thu của đối tượng cần nghiệm thu. Chủ đầu tư sẽ không thanh quyết toán các công trình nếu không có hình ảnh giám sát.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Theo webform
E-ĐKC 41.1	Theo webform
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: Tạm ứng 01 lần, tạm ứng 30% giá hợp đồng không gồm thuế GTGT. - Thời gian tạm ứng: 15 ngày kể từ khi chủ đầu tư đã nhận

	được các tài liệu sau: + Văn bản yêu cầu tạm ứng của nhà thầu; + Bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bảo lãnh tiền tạm ứng theo mẫu trong hồ sơ mời thầu. + Đồng thời thực hiện sau khi xây dựng kế hoạch giải phóng mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng và mặt bằng được bàn giao tối thiểu 30%. - Hoàn trả tiền tạm ứng: Số tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng. Số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ thu hồi được quy định như sau: $A = (\% \text{ giá trị khối lượng thanh toán đợt so với giá trị hợp đồng}) / (80\%) \times 100\%.$ Trong đó, A : Là tỷ lệ giảm trừ từng đợt (%). Giá trị thu hồi tạm ứng được làm tròn đến hàng triệu đồng (dưới 5 làm tròn xuống, từ 5 trở lên làm tròn lên)
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: 1. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản; 2. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu của Chủ đầu tư gồm: + Hóa đơn giá trị gia tăng; + Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán; + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán; + Hồ sơ hoàn công phần khối lượng thanh toán. 3. Số lần thanh toán: Thanh toán chia làm 2 đợt cho từng công trình (không kể đợt thanh toán tạm ứng), cụ thể: - Các đợt thanh toán: Thanh toán giá trị hạng mục hoàn thành sau khi Nhà thầu hoàn thành khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc theo hợp đồng (trong đó: giá trị tiền tạm ứng hợp đồng sẽ được thu hồi theo tỷ lệ giải trừ từng đợt). Tổng giá trị thanh toán các đợt không kể đợt cuối chỉ đạt tối đa 90% giá trị hợp đồng. - Thanh toán lần cuối: Thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện còn lại sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng thi công hoàn thành, hoàn trả VTTB A cấp (nếu có), hoàn trả VTTB thu hồi (nếu có), hoàn tất việc lập và phê

	duyet công tác phát sinh (nếu có), hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công...) và các thỏa thuận theo hợp đồng, chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 5% giá hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành (trong đó tổng các lần thanh toán không quá 95% giá hợp đồng). - Nhà thầu phải nộp Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày dự án (công trình) được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 05 phần trăm (%) Giá trị quyết toán hợp đồng. - Hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành: + Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. + Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hóa, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận. - Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng. Việc giải tỏa bảo đảm bảo hành dự án/công trình, phải được chủ đầu tư xác nhận nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành dự án/công trình theo quy định.
E-ĐKC 45	Theo webform
E-ĐKC 46.1	Theo webform
E-ĐKC 47.1 (d)	Theo webform
E-ĐKC 47.7	Theo webform
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: Quy định chung giá trị hợp đồng bị vi phạm bằng giá trị hợp đồng khi tính phạt. (a) Phạt vi phạm thời hạn hoàn thành công trình: + Chậm trễ hoàn thành dự án/công trình 10 ngày đầu phạt

	2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm (tính theo tiến độ thi công). + Chậm hoàn thành dự án/công trình 10 ngày tiếp theo phạt thêm 0,8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. (b) Phạt chất lượng thi công dự án/công trình không đúng thỏa thuận trong hợp đồng: Mức phạt là 2% giá trị hợp đồng bị vi phạm và Nhà thầu phải khắc phục đáp ứng chất lượng dự án/công trình. + Nhà thầu huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu không phù hợp với quy định của hợp đồng như đã cam kết. + Nhà thầu sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho dự án/công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn hiệu và các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong E-HSMT, E-HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận. + Thi công dự án/công trình không đảm bảo chất lượng (gây lún, nứt, hoặc gây sự cố lưới điện,..., hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ), không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng. + Thi công dự án (công trình) không đúng thiết kế bản vẽ thi công. + Thi công dự án (công trình) không đúng biện pháp thi công được duyệt để xảy ra tai nạn, sự cố sụp đổ dự án (công trình). (c) Thời gian hoàn thành bản vẽ hoàn công (bảng kê khối lượng hoàn thành, tài liệu hướng dẫn vận hành, hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn công...). Trong vòng 14 ngày kể từ ngày hoàn thành dự án (công trình) Nhà thầu thực hiện chậm trễ, Chủ đầu tư có quyền xem xét phạt hợp đồng như phạt chậm tiến độ thi công, cứ 01 ngày nhà thầu chậm trễ chậm nộp hồ sơ, phạt 0,01% giá trị hợp đồng của từng dự án (công trình). (d) Mức phạt hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. * Hàng tháng, Chủ đầu tư có quyền xem xét phạt tiến độ nếu Nhà thầu thực hiện chậm so với tiến độ thi công chi tiết được duyệt tại thời điểm xem xét nếu là do lỗi chủ quan của Nhà thầu (phần hợp đồng bị vi phạm sẽ được tính là phần khối lượng bị chậm so với khối lượng nêu trong tiến độ được duyệt). Nếu hợp kiểm điểm tiến độ đến lần 2 mà Nhà thầu không đáp ứng tiến độ được duyệt hoặc tiến độ được Chủ đầu tư duyệt lại, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng nếu thấy cần thiết. Đồng thời tịch thu bảo đảm thực hiện hợp
--	--

	đồng khi chấm dứt hợp đồng do lỗi Nhà thầu. * Nhà thầu không nộp các hồ sơ (Biểu tiến độ thi công chi tiết, hồ sơ khởi công công trình (trong vòng 07 kể từ ngày ký hợp đồng)) xem như Nhà thầu vi phạm hợp đồng, Chủ đầu tư xem xét có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu hoặc phạt mỗi ngày giao chậm là 0,01% giá trị hợp đồng. * Ngoài phạt giá trị hợp đồng bị vi phạm nêu trên, nhà thầu bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.
E-ĐKC 49.2	Theo webform
E-ĐKC 49.3	Theo webform
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	Theo webform
E-ĐKC 55.1	Theo webform
E-ĐKC 55.2	Theo webform
E-ĐKC 56.1 (a)	Theo webform

